

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT

Ngày 19-02-2019

V/v yêu cầu công khai xin lỗi, bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng
và kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Anh

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2018/TLPT-DS ngày 03/12/2018 về việc yêu cầu công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2019/QĐPT-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông TRẦN M.H, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 6, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã TH.T; địa chỉ: Ấp 3, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Tống Thanh S, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp 5, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị T.N, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp 6, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Trần Q.C, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp 4, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp 4, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 4, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 4, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp 4, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp 6, xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp GL, xã AL, huyện BT, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông TRẦN M.H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q.C, bà Đoàn Thị T.N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

- Nguyên đơn ông TRẦN M.H trình bày:

Ông M.H là người quản lý sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ số 13, tại xã TH.T, huyện BT, tỉnh Bình Dương; năm 2006, ông M.H và bà Trần Thị H (chị ruột của ông M.H), ông Nguyễn Văn N (anh rể) xảy ra tranh chấp, được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã TH.T hòa giải ngày 08/9/2006 nhưng không thành.

Ngày 11/5/2013, UBND xã TH.T tiến hành họp dân về việc triển khai làm đường giao thông nông thôn (đường xương cá) tại tổ 28, ấp 6 dự kiến có chiều dài 442m x rộng 05m. Cuộc họp đã thống nhất nhà ai có đất hai bên đường thì sẽ lấy đều hai bên, mỗi bên 01m để làm đường, gia đình ông M.H đồng ý. Tuy

nhiên quá trình vận động UBND xã TH.T không tiến hành vận động hộ ông Sáu C mà khi làm đường lại lấy toàn bộ sang phần đất của gia đình ông M.H với chiều dài khoảng 30m x rộng 02m.

Ngày 10/7/2013, đơn vị thi công làm đường thì ông M.H, bà Đoàn Thị T.N, ông Trần Q.C (vợ, con ông M.H) không đồng ý cho thi công và chôn 15 cây trụ bằng bê tông dọc theo thửa 135, mục đích để ngăn cản việc làm đường, vì thửa đất số 135 có nguồn gốc của cha mẹ ông M.H nhưng do ông M.H khai hoang, cha mẹ cho ông Nhiều, bà H không được sự đồng ý của anh em trong gia đình, phần đất này là tài sản chung của gia đình.

Ngày 21/8/2013, ông M.H khiếu nại UBND huyện T.U về việc UBND xã TH.T giải tỏa làm đường giao thông nông thôn không công bằng.

Ngày 30/8/2013, UBND huyện T.U có công văn gửi UBND xã TH.T, yêu cầu UBND xã giải quyết trả lời nhưng UBND xã không có văn bản trả lời cho ông M.H.

Ngày 25/10/2013, gia đình ông M.H có đơn tranh chấp đất với bà H, được hòa giải nhưng không thành.

Ngày 08/11/2013, ông M.H nhận được Thông báo số 36/TB-UBND xã TH.T về việc tháo dỡ trụ rào để bàn giao mặt bằng trên đường giao thông nông thôn nêu trên.

Ngày 12/11/2013, UBND xã TH.T đã cho lực lượng xuống cưỡng chế đất đai và tháo dỡ 15 trụ rào của gia đình để làm đường giao thông nông thôn; trong quá trình cưỡng chế lực lượng đã đánh đập, khống chế, UBND xã TH.T không đọc quyết định cưỡng chế, không lập biên bản kiểm kê các loại tài sản bị cưỡng chế theo trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính, mà tự ý di dời các trụ bê tông, gia đình ông M.H ngăn cản và bị bắt lên xe chở về trụ sở Công an xã TH.T. Việc khống chế của Công an xã đã gây thương tích và làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông M.H, bà T.N, ông Q.C với nhân dân trong ấp.

Ngày 12/12/2013, ông M.H nộp đơn tố cáo Công an xã TH.T có hành vi đánh đập người dân đến UBND huyện T.U (nay là huyện BT). UBND huyện T.U đã chuyển đơn tố cáo của ông M.H đến Công an huyện T.U (nay là huyện BT) để điều tra, xác minh. Ngày 21/5/2015, Công an huyện BT ban hành Thông báo số 02 trả lời kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, với kết luận không có tội phạm xảy ra nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT.

Ngày 30/12/2016, ông TRẦN M.H nộp đơn khởi kiện, ngày 05/4/2017 và ngày 22/5/2018 ông M.H khởi kiện bổ sung, yêu cầu:

+ UBND xã TH.T xin lỗi ông TRẦN M.H công khai trước toàn thể nhân dân xã TH.T.

+ UBND xã TH.T bồi thường thiệt hại 295.000.000 đồng, gồm: Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm 15 cây trụ rào bằng bê tông trị giá 2.000.000 đồng; bồi thường thu nhập thực tế bị mất và giảm sút 90.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại 3.000.000 đồng (trong đó, tiền khám chữa bệnh 622.685 đồng, gồm: Tiền khám bệnh 25.000 đồng (Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0032724), tiền làm giấy y chứng 100.000 đồng (Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0057482), tiền X quang 100.000 đồng (Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0032725), tiền thuốc 227.000 đồng (hóa đơn số 007927), tiền khám bệnh 170.685 đồng (Biên lai thu tiền viện phí số 81815), chi phí đi lại để chữa bệnh 2.377.315 đồng); bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại 50.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại 150.000.000 đồng.

+ Trả lại 02 cái lưỡi liềm cắt cỏ, 01 dao Thái Lan và 01 dao phay.

- Bị đơn UBND xã TH.T trình bày:

Năm 2013, Đảng ủy – UBND xã TH.T có chủ trương nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ nhà ông Lâm Văn Thuận đến nhà bà Võ Thị Tuyết. Trước khi làm đường có tổ chức họp dân lấy ý kiến nhiều lần và được người dân thống nhất đồng tình, các hộ dân có đường đi qua lấy mỗi bên 01m. Qua khảo sát, đơn vị thi công xác định phần đất của ông Tống Văn Cẩn (đối diện nhà bà Trần Thị H) nếu lấy đất vào 01m sẽ ảnh hưởng đến móng nhà nên ông Cẩn thỏa thuận với bà H để lấy bên đất bà H 02m, không lấy đất ông Cẩn, ông Cẩn sẽ nộp tiền góp làm đường thay cho bà H. Ngày 10/7/2013, đơn vị thi công tiến hành khởi công tuyến đường đến thửa số 135 nêu trên thì hộ gia đình bà Đoàn Thị T.N là chủ sử dụng thửa đất số 136 (phía sau thửa số 135) chôn 15 cây trụ rào bằng xi măng dọc theo thửa số 135.

UBND xã TH.T đã nhiều lần vận động và gửi thông báo yêu cầu hộ gia đình bà T.N tháo dỡ 15 trụ rào nhưng hộ gia đình bà T.N không thực hiện.

Ngày 12/11/2013, UBND xã TH.T kết hợp ban ngành, đoàn thể, công an, quân sự, đơn vị thi công đường giao thông nông thôn đến giải tỏa 15 trụ rào nhưng bà T.N, ông M.H, ông Q.C đã dùng hung khí ngăn cản. Ông M.H, bà T.N mỗi người cầm trên tay một cái liềm, ông Q.C cầm 01 con dao phay và mang trong túi quần một con dao Thái lan. Khi UBND xã TH.T thực hiện giải tỏa, hai bên xảy ra xung đột. Lực lượng công an đã khống chế thu giữ liềm và dao, đồng thời đưa ông M.H, bà T.N, ông Q.C về trụ sở Công an xã TH.T để làm việc.

UBND xã TH.T hoặc bất kỳ cá nhân nào của UBND xã không ai có hành vi cưỡng chế ông M.H, bà T.N, ông Q.C mà chỉ đến giải tỏa để làm đường. Do

ông M.H, bà T.N, ông Q.C cố tình sử dụng hung khí cản trở lại người thi hành công vụ nên Công an xã TH.T mới thực thi nhiệm vụ khống chế ông M.H, bà T.N, ông Q.C để bảo vệ an toàn cho người thi hành công vụ. Hơn nữa, UBND xã TH.T không có lỗi trong việc giải tỏa mặt bằng vì thửa đất 135 thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, hộ ông Nhiều tự nguyện hiến đất làm đường và tự thỏa thuận với ông Tống Văn Cẩn đồng ý giải tỏa làm đường không liên quan đến quyền lợi của hộ ông M.H. Việc ông M.H, bà T.N, ông Q.C không có quyền quản lý, sử dụng thửa đất này nhưng chôn 15 cây trụ bê tông dọc trên thửa 135 đã gây chậm tiến độ việc thi công làm đường là hành vi trái pháp luật. Xác định hộ gia đình ông M.H không có quyền quản lý, sử dụng thửa đất này nên UBND xã TH.T chỉ ra thông báo 03 lần cho hộ ông M.H về việc giải tỏa lấy lại mặt bằng chứ không ra quyết định cưỡng chế. Qua nhiều lần vận động, thuyết phục không được nên UBND xã TH.T ra thông báo yêu cầu tháo dỡ trụ bê tông nếu không thực hiện thì UBND xã sẽ thực hiện giải tỏa.

UBND xã TH.T đồng ý trả lại cho ông M.H 15 cây trụ rào; không đồng ý trả lại 02 cái liềm, 02 con dao; không chấp nhận yêu cầu buộc UBND xã xin lỗi công khai, bồi thường thiệt hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T.N, ông Trần Q.C trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn ông M.H.

Bà Đoàn Thị T.N có yêu cầu độc lập:

+ Yêu cầu UBND xã TH.T xin lỗi bà Đoàn Thị T.N công khai trước toàn thể nhân xã TH.T.

+ Yêu cầu UBND xã TH.T bồi thường thiệt hại 293.000.000 đồng, gồm: Bồi thường thu nhập thực tế bị mất và giảm sút 90.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại 3.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại 50.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại 150.000.000 đồng.

Ông Trần Q.C có yêu cầu độc lập:

+ Yêu cầu UBND xã TH.T xin lỗi ông Trần Q.C công khai trước toàn thể nhân dân xã TH.T.

+ Yêu cầu UBND xã TH.T bồi thường thiệt hại 293.000.000 đồng, gồm: Bồi thường thu nhập thực tế bị mất và giảm sút 90.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại 3.000.000 đồng (trong đó, tiền khám chữa bệnh 225.000 đồng, gồm: Tiền khám bệnh 15.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0041504; tiền làm giấy y chứng 100.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0057481; tiền X quang 55.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số

0041508; tiền X quang 55.000 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0041517; chi phí đi lại khám chữa bệnh 2.775.000 đồng); bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại 50.000.000 đồng; bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại 150.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Ngọc Th, ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông Nhiều cùng vợ, con là bà H, ông Th, ông S không đồng ý việc ông M.H, bà T.N, ông Q.C chôn 15 cây trụ bê tông dọc theo thửa đất số 135. Bởi vì, bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột của bà H) đã tặng cho vợ chồng ông Nhiều thửa đất này. Ông Nh, bà H sinh sống trên thửa đất này từ năm 1977 đến năm 2007, đã xây dựng nhà ở và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00043 QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn N. Năm 2007, bà B già yếu nên ông Nh, bà H chuyển về sinh sống cùng với bà B nhưng vẫn thường xuyên quản lý, sử dụng thửa 135.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Khoảng 08 giờ sáng ngày 12/11/2013, tôi đến nhà ông M.H để mời đám giỗ thì thấy Công an đang đề ông M.H và ông Q.C (con trai ông M.H) xuống còng lại và quăng lên xe, khi đó vợ ông M.H la lớn, chạy theo xe thì cũng bị không chế bắt lên xe khác chở đi. Tôi quay lại nhà ông M.H thì không còn ai hết nên tôi đi về. Tôi nghe người ta nói là cưỡng chế gia đình ông M.H, bà Thủy có yêu cầu vắng mặt.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị K trình bày:

Khoảng 08 giờ sáng ngày 12/11/2013, tôi có ra ngoài để mua đồ, khi biết tin UBND xã TH.T tiến hành cưỡng chế, tháo dỡ trụ rào nhà ông TRẦN M.H, tôi xuống tận nơi để xem, khi đến nơi tôi thấy ông M.H và ông Q.C (con ông M.H) đã bị một số người trong đoàn cưỡng chế đè xuống đất không chế và còng lại đưa lên xe chở đi. Bà T.N chạy theo la lớn cũng bị không chế đưa lên một chiếc xe khác và chở đi. Sự việc diễn ra rất nhanh chưa tới một giờ đồng hồ. Tôi thấy gia đình bà T.N bức xúc việc làm đường là đúng vì khi hợp ra dân là làm đường lấy đất mỗi bên vào 02m nhưng đến khi thi công chỉ lấy đất phía nhà bà T.N, bà Kỷ có yêu cầu vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12; các Điều 26, 35, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 607, Điều 609 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, mức giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRẦN M.H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TH.T, huyện BT trả lại 15 cây trụ rào bê tông (có kích thước ngang 10cm x dài 1,6m).

Ủy ban nhân dân xã TH.T, huyện BT có nghĩa vụ trả lại cho ông TRẦN M.H 15 cây trụ rào bê tông (có kích thước ngang 10cm x dài 1,6m).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TRẦN M.H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TH.T, huyện BT phải công khai xin lỗi trước toàn thể nhân dân, bồi thường thiệt hại và kiện đòi tài sản đối với 02 cái lưỡi liềm, 01 con dao phay, 01 con dao Thái lan.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đoàn Thị T.N, yêu cầu độc lập của ông Trần Q.C về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TH.T, huyện BT phải công khai xin lỗi trước toàn thể nhân dân, bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 01/10/2018 nguyên đơn ông TRẦN M.H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Q.C, bà Đoàn Thị T.N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T.N, ông Q.C, vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại là có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M.H, bà T.N, ông Q.C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập khởi kiện yêu cầu UBND xã TH.T phải công

khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và kiện đòi tài sản, không khởi kiện vụ án hành chính về hành vi hành chính của UBND xã TH.T vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Sự việc xảy ra trước ngày 12/11/2013. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp dân sự nên giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp.

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xác định thời điểm xảy ra thiệt hại là ngày 12/11/2013, đến ngày 12/12/2013, ông M.H có đơn tố cáo Công an xã TH.T có hành vi đánh đập người dân. Ngày 21/5/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BT ban hành Thông báo số 02 về kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố vụ án với kết luận là không có tội phạm xảy ra nên không thuộc thẩm quyền và cùng ngày này ông M.H nhận được thông báo trên. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 158, Điều 607 Bộ luật Dân sự năm 2005 không tính thời gian chờ kết quả giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào thời hiệu khởi kiện, nên yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông M.H, bà T.N, ông Q.C còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp pháp luật.

- Bị đơn UBND xã TH.T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nhiều, bà H, ông Thiện, ông Sang có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có thu thập chứng cứ là lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị Thu Th theo bản tự khai ngày 17/9/2018 nhưng chưa đưa bà Thủy, bà Kỷ vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là thiếu sót nhưng không phải vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự và khắc phục được.

[2] Về nội dung:

[2.1] Diện tích đất 916m² thuộc thửa số 135, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã TH.T, huyện T.U (nay là huyện BT), tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số vào sổ 00043 QSDĐ/TU ngày 22/9/1999 do UBND huyện T.U (nay là huyện BT), tỉnh Bình Dương cấp cho hộ ông Nguyễn Văn N. Ông M.H, bà T.N là người quản lý, sử dụng thửa đất 136 (thửa đất này liền kề phía sau với thửa đất 135) và ông Q.C chôn các trụ bê tông trên thửa đất 135 nhằm ngăn cản việc thi công làm đường.

Nguyên đơn cho rằng, đất có nguồn gốc của cha mẹ để lại, sau đó cho bà H, không được anh em trong gia đình đồng ý, đây là tài sản chung của gia đình, ông M.H quản lý sử dụng từ năm 2006 đến nay, năm 2006 và năm 2013 có xảy ra tranh chấp. Bà H cho rằng, nguồn gốc đất là của cha mẹ cho bà và chồng là

ông Nhiều, năm 1999 gia đình bà H được cấp quyền sử dụng đất, năm 2006 khi xảy ra tranh chấp bà H có nói giao thửa đất số 135 cho ông M.H nhưng đòi lại ông M.H không được nhận phần đất trên rẫy, ông M.H không đồng ý, nên gia đình bà H vẫn là chủ sử dụng đất, gia đình bà H, ông Nhiều thống nhất làm đường và đồng ý hiến đất 02m ngang để làm đường. Theo biên bản giải quyết ngày 08/9/2006 tại UBND xã TH.T thể hiện bà H để lại diện tích đang cất nhà cho ông M.H, nhưng ông M.H không thống nhất và biên bản hòa giải ngày 25/10/2013 tại UBND xã TH.T, ông M.H yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa số 135. Ông M.H xác định chưa gửi đơn tranh chấp phần đất thuộc thửa số 135 mà chờ giải quyết xong vụ việc trong vụ án này.

Ngày 11/5/2013, UBND xã TH.T họp dân tổ 28 về việc triển khai làm đường nội dung: Công khai ra dân lấy sự đồng thuận để tiến hành làm đường ở tổ 28; ngày 07/6/2013 họp dân tổ 28 với nội dung: Triển khai ra dân lấy ý kiến thống nhất để tiến hành làm đường tổ 28; ngày 26/7/2013, họp dân tổ 28 với nội dung: Triển khai tiến độ thi công lấy ý kiến đóng góp trong dân để tiếp tục thu tiền hỗ trợ cho chủ đất, tại buổi họp này đã thông qua biên bản ngày 12/7/2013 tại hiện trường nhà ông Tống Văn C, có mặt bà Trần Thị H đồng ý hiến đất làm đường bên phần đất của bà, bức tường nhà ông Cẩn không cần phải đập phá vì quá sát đường và hỗ trợ 6.000.000 đồng vào con đường đang mở, cuộc họp đã thống nhất là bức tường nhà ông C không cần đập phá; ngày 18/8/2013, họp dân tổ 28 về việc lấy ý kiến thống nhất của các hộ dân để giải tỏa các trụ rào của hộ ông TRẦN M.H chôn trên đường giao thông nông thôn, trong phần ý kiến đóng góp thì ông bà hộ TRẦN M.H, Đoàn Thị T.N không đồng ý nhổ trụ rào, vì việc làm đường không công bằng lấy bên nhiều bên ít, bà con trong cuộc họp thống nhất nhổ trụ rào để thi công làm đường.

Ngày 03/9/2013, UBND xã TH.T có Công văn số 42/UBND-VP yêu cầu bà Đoàn Thị T.N tháo dỡ các trụ rào mà bà chôn trên đường gây cản trở việc thi công đường giao thông nông thôn ấp 6, thời hạn tháo dỡ từ ngày 03/9/2013 đến ngày 04/9/2013, nếu hộ bà T.N không tự tháo dỡ, UBND xã phải xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật để đảm bảo tiến độ công trình.

Ngày 10/9/2013, UBND xã TH.T có làm việc với gia đình ông TRẦN M.H và bà Đoàn Thị T.N về đơn thư khiếu nại của gia đình bà T.N, ông M.H về việc làm đường không công bằng nên ông M.H chôn các trụ rào theo biên bản làm việc ngày 10/9/2013.

Ngày 23/10/2013, UBND xã TH.T có Thông báo số 31/TB-UBND đề nghị ông TRẦN M.H và bà Đoàn Thị Thanh phải tháo dỡ 15 trụ rào trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra thông báo, nếu không thực hiện, UBND xã TH.T sẽ thành lập đoàn đến tháo dỡ, mọi chi phí tháo dỡ ông M.H và bà T.N chịu trách nhiệm.

Ngày 08/11/2013, UBND xã TH.T có Thông báo số 36/TB-UBND thông báo đến hộ ông TRẦN M.H và bà Đoàn Thị T.N được biết vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/11/2013, UBND xã TH.T sẽ tổ chức đoàn đến tháo dỡ hàng trụ rào của hộ ông M.H, bà T.N.

Ngày 11/11/2013, ông M.H, bà T.N có đơn khiếu nại UBND xã TH.T về việc vận động hiến đất làm đường không công bằng gây thiệt hại cho gia đình ông bà. Cùng ngày, UBND xã TH.T có biên bản họp tiếp dân với hộ ông M.H, bà T.N, tại buổi họp, ông M.H, bà T.N có ý kiến đập hàng rào nhà ông Cẩn thì cho phép giải tỏa các trụ rào.

[2.2] Xét, hộ gia đình ông Nguyễn Văn N (gồm ông Nhiều, bà H, ông Thiện, ông Sang) đang quản lý, sử dụng thửa đất 135, tờ bản đồ 13 tại xã TH.T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm gia đình ông Nhiều hiến đất làm đường, thời điểm UBND xã TH.T giải tỏa một phần thửa số 135 để làm đường giao thông nông thôn thì thửa đất này vẫn còn giá trị pháp lý, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết giao thửa đất trên cho ông TRẦN M.H, bà Đoàn Thị T.N, ông Trần Q.C. Do đó, các thành viên hộ gia đình ông Nhiều tự nguyện giao một phần thửa đất số 135 để làm đường là hợp pháp, UBND xã TH.T không trình cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất để mở rộng đường là không trái pháp luật (vì người được cấp đất tự nguyện giao đất để làm đường); người không được giao đất, không được giao quyền chiếm hữu quyền sử dụng đất (ông M.H, bà T.N, ông Q.C) ngăn cản việc giao và nhận đất giữa người sử dụng hợp pháp (hộ gia đình ông Nhiều) là hành vi trái pháp luật, gây cản trở việc thực hiện chủ trương của Nhà nước. Ông M.H, bà T.N, ông Q.C cho rằng quá trình cưỡng chế UBND xã TH.T không đọc các quyết định cưỡng chế, không lập biên bản kiểm kê các loại tài sản tại công trình bị cưỡng chế theo trình tự thủ tục như Nghị định số 166/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 2 của Nghị định số 166 nêu trên thì trường hợp trên không thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của nghị định.

Trước khi thực hiện giải tỏa, UBND xã TH.T đã thực hiện công tác vận động, thuyết phục gia đình ông M.H và ra thông báo yêu cầu di dời trụ bê tông trả lại mặt bằng đến lần thứ ba nhưng hộ gia đình ông M.H không thực hiện. Khi UBND xã TH.T đến giải tỏa thì ông M.H, bà T.N, ông Q.C sử dụng liềm, dao cản trở. Ông M.H, bà T.N, ông Q.C cho rằng lực lượng Công an xã TH.T đã có hành vi đánh đập ông bà và đưa ra người làm chứng bà Thủy, bà Kỷ chứng kiến việc gia đình ông bà bị không chế. Theo Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 02 ngày 21/5/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh Bình Dương thể hiện: Ông M.H, bà T.N, ông Q.C đã thừa nhận do bức xúc việc UBND xã tháo dỡ hàng rào, 15 trụ bê

tông của gia đình ông nên mới có hành vi dùng hung khí gây cản trở không cho đoàn giải tỏa làm nhiệm vụ; qua điều tra xác minh, Công an huyện BT xác định việc Công an xã TH.T dùng vũ lực để khống chế ông M.H, bà T.N, ông Q.C là cần thiết nhằm đảm bảo an toàn cho đoàn giải tỏa, việc làm của Công an xã TH.T là đúng quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao, do vậy không có việc Công an xã TH.T đánh đập người dân theo đơn tố cáo của ông M.H. Việc Công an xã TH.T khống chế ông M.H, bà T.N và ông Q.C để bảo vệ an toàn cho người thi hành công vụ là hành vi đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc ông M.H, bà T.N, ông Q.C yêu cầu UBND xã TH.T công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

[2.3] Đối với việc ông TRẦN M.H yêu cầu UBND xã TH.T trả lại 15 cây trụ rào ngang 10cm x dài 1,6m; UBND xã tự nguyện trả lại cho ông M.H 15 cây trụ rào ngang 10cm, dài 1,6m nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả lại là phù hợp.

[2.4] Đối với yêu cầu kiện đòi tài sản 01 con dao thái lan, 01 con dao phay, 02 cái liềm do việc sử dụng công cụ trên là trái quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu này của ông M.H, bà T.N và ông Q.C.

Kháng cáo của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông M.H, bà T.N được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm do là người cao tuổi; ông Q.C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ khoản 2 Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 607, Điều 609 Bộ luật Dân sự 2005,
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông TRẦN M.H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T.N, ông Trần Q.C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông TRẦN M.H, bà Đoàn Thị T.N mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0030295 (bà Đoàn Thị T.N nộp thay), số 0030296 cùng ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Q.C phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0030297 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh Bình Dương (bà Đoàn Thị T.N nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện BT;
- TAND huyện BT;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng